TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HN&GĐ - ST
Ngày: 29/5/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

Thư ký phiên toà: Ônh Hoàng Xuân Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/HN&GĐ - ST ngày 27/3/2019 về Tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/QĐXX- ST ngày 14 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1974

ĐKNKTT: Xóm Đầu Cầu, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Lại Xuân N, sinh năm 1972

ĐKNKTT: Xóm Chiềng, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt chị Dung, anh Nam có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị D trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lại Xuân N chung sống với nhau từ năm 1994, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tạp quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Về lý do không đăng ký kết hôn do khi chung sống cả hai còn trẻ nên không hiểu biết về pháp luật, sau này chung sống do mải làm ăn nên không nghĩ đến việc phải đi đăng ký kết hôn nữa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn, từ năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế và cách nuôi dậy con

cái không có sự hòa hợp. Từ đầu năm 2018 vợ chồng chính thức ly thân không ai quan tâm đến ai mặc dù sống chung một nhà. Nay chị xác định không còn tình cảm không thể đoàn tụ để xây dựng cuộc sống chung do anh N nghi ngờ và đặt điều cho chị có quan hệ ngoài luồng. Hiện nay chị cũng đã làm nhà ra ở riêng, còn anh N vẫn ở lại nhà cũ của vợ chồng trên nền đất cũ của bố mẹ cho bằng miệng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N. Do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nam có hai con chung: Cháu Lại Xuân N, sinh năm 1995; Lại Thị L, sinh năm 2000. Nay hai con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh N do Tòa án tiến hành, anh Nam đã trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không có đăng ký kết hôn là do không hiểu biết về pháp luật. Mặc dù vậy, cuộc sống cả hai rất hạnh phúc, đến năm 2018 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do chị D không chung thủy nên mâu thuẫn về cách đối xử và cách nuôi dậy con cái. Từ đầu năm 2018 cô D bỏ đi cùng hai con ra ngoài phường Ba Hàng làm nhà ở riêng. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân anh đồng ý, vì anh và chị D chung sống mà không có đăng ký kết hôn, anh tìm hiểu quy định của pháp luật thì được biết chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị D có hai con chung: Cháu Lại Xuân N, sinh năm 1995; Lại Thị L, sinh năm 2000. Do các con đều đã trưởng thành và hiện nay không chung sống cùng bố mẹ nên không đặt ra việc giải quyết

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyêt.

Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đứng trình tự, thủ tục tố tụng. VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bầy của chị Dung, anh Nam và kết quả xác minh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là UBND xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên cho thấy: kể từ thời điểm anh, chị chung sống với nhau năm 1994 cho đến

nay, anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy giải quyết ly hôn cho anh chị cần áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân & gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Dung và anh Lại Xuân Nam.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D, anh N xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

Án phí Đề nghị áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH buộc nguyên đơn chị Dung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật có mặt tại các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tiến hành. Tại phiên tòa hôm nay, anh N là bị đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Lại Xuân N chung sống với nhau từ năm 1994, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình chung sống đến nay, anh, chị vẫn không đi đăng ký kết hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2019, của Tòa án với bà Đào Vân A - Cán bộ Tư pháp, hộ tịch xã Đắc Sơn, phụ trách việc đăng ký kết hôn, được cung cấp: Qua kiểm tra sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến năm 2019 do UBND xã Đắc Sơn quản lý thể hiện không có tên của chị Dung và anh Nam trong sổ lưu đăng ký kết hôn do UBND xã quản lý. Về mặt thực tế: Chị D và anh N chung sống với nhau từ 1994, không có tên trong sổ đăng ký điều đó thể hiện chị D và anh N không có đăng ký kết hôn và đến tại thời điểm này vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định.

Tại khoản 1, điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch".*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ*

chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".*

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Quá trình xác minh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc đăng ký kết hôn của công dân thể hiện không có tên trên sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn. Do đó xác định D, anh N chung sống không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị D có đơn xin ly hôn với anh Nam cần căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn ở trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh N.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị D và anh N có hai con chung:

1. Cháu Lại Xuân N, sinh năm 1995;

2. Cháu Lại Thị L, sinh năm 2000.

Do các con đều đã trưởng thành và hiện nay không chung sống cùng bố mẹ nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị D và anh N xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị D và anh N xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị D với anh Lại Xuân N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D với anh Lại Xuân N.

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản Chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về Án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tại biên lai số 0008620 ngày 27/3/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D tại phiên tòa. Báo cho biết đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Đắc Sơn;
- UBND phường Ba Hàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Văn Cường	**Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Vạn Phái;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Hồng Tiến;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu.